

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HC-ST

Ngày: 02-8-2019

V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Trung

2. Ông Phạm Bá Lân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2018/TLST-HC ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HC ngày 23-5-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HC ngày 02-7-2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Văn L, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư số 01, thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn L: Ông Trương Quang T, Luật sư Văn phòng Luật sư Quang T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 135 Nguyễn D, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 52 đường Hthành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Địa chỉ: Xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện L: Ông Phạm Văn Thọ –Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã A.

Địa chỉ: Xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A (có mặt).

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Khu dân cư số 01, thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư số 01, thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người làm chứng:

- Ông Trần T, sinh năm 1955 (có mặt).

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn L trình bày:

Cha mẹ ông là ông Lê Văn S và bà Dương Thị K (chết) có mua đất của ông Lê Thảo và bà Mai Thị Quyên từ thời pháp thuộc để canh tác tại thôn Đ, xã A, huyện L. Sau năm 1975, cha mẹ ông vẫn tiếp tục canh tác trên phần đất này và đã được cấp thửa đất này cho gia đình ông để sản xuất theo Nghị định 64/CP ngày 27-9-1993.

Do địa hình thửa đất không bằng phẳng nên gia đình ông cải tạo, làm kè đá chia thành nhiều ô nhỏ để sản xuất. Đến năm 2009 Nhà nước có thu hồi diện tích đất 198m² để xây dựng đường cơ động quốc phòng phía Đông Nam đảo L và đã nhận bồi thường về quyền sử dụng đất, kè đá, cây trồng với tổng số tiền là 11.894.500 đồng. Gia đình ông không có thắc mắc hay khiếu nại gì về việc thu hồi,

bồi thường đối với phần diện tích 198m². Phần diện tích còn lại cha ông giao lại cho ông tiếp tục canh tác sử dụng để sản xuất và không có tranh chấp đến nay. Do không hiểu biết về chính sách đất đai nên ông không biết thực hiện các thủ tục kê khai đất đai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2017 ông thực hiện thủ tục kê khai đất đai để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần diện tích còn lại đang sử dụng, thì Chủ tịch UBND xã A trả lời là diện tích đất còn lại của gia đình ông đang sử dụng là UBND xã quản lý nên không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Ngày 24-4-2017, ông gửi đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Chủ tịch UBND huyện L và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L. Ngày 28-4-2017, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Công văn số 871/UBND về việc trả lời đơn với nội dung không chấp nhận yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất còn lại mà ông đang sử dụng. Không đồng ý công văn này nên ông làm đơn khiếu nại.

Ngày 25-5-2018, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 600/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông. Không đồng ý với Quyết định này, ông làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 10-9-2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1548/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 871/UBND ngày 28-4-2017 của Chủ tịch UBND huyện L v/v trả lời đơn yêu cầu của ông Lê Văn L; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 600/QĐ-UBND ngày 25-5-2018 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Văn L; hủy Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Văn L.

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Ông Lê S trước đây có khai hoang và sử dụng một phần đất nông nghiệp ở khu vực bãi bồi ven biển thuộc thôn Đ, xã A gồm 03 thửa có tổng diện tích 198m², theo hồ sơ địa chính lập năm 1986, xã Bình Vĩnh (nay là xã A) thì phần diện tích này thuộc thửa đất mang số hiệu 1244/2.800m², loại đất Hoang (Hg), tờ bản đồ số 03. Đây là thửa đất bãi bồi ven biển, theo quy định tại Điều 80 Luật đất đai năm 2003 thì diện tích này do UBND xã quản lý. Tại thời điểm năm 2009, khi thực hiện dự án Đường cơ động phía Đông Nam đảo L, UBND huyện L đã thu hồi hết đất nông nghiệp ông S đang sử dụng tại đây để thực hiện dự án. Từ sau khi dự án Đường cơ động phía Đông Nam đảo L hoàn thành, phần diện tích đã bị thu hồi này do không sử dụng làm công trình nên ông Lê S và sau này là ông Lê Văn L tiếp tục sử dụng để hưởng lợi và còn lấn chiếm mở rộng thêm ra diện tích đất UBND xã đang quản lý.

Ông Lê Văn L sử dụng đất nhưng không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Điều 100 Luật đất đai năm 2013, lại sử dụng trên một phần diện tích đất UBND huyện L đã thu hồi của ông Lê S vào năm 2009 và một phần diện tích do lấn chiếm thêm đều thuộc diện tích đất UBND xã A quản lý; việc sử dụng đất của ông L đã bị chính quyền nhiều lần lập thủ tục xử lý nhưng ông L không chấp hành. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 và Điều 101 Luật đất đai năm 2013 thì ông L không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu của ông Lê Văn L vừa không chính đáng, vừa không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 giải quyết bác khiếu nại của ông Lê Văn L là đúng quy định pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện L trình bày:

Thông nhất nội dung Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 25-5-2018 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

UBND xã A trình bày:

Năm 2009 thực hiện Dự án Đường cơ động Đông Nam đảo L do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh làm chủ đầu tư thì toàn bộ đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản có trên đất đã được bồi thường, hỗ trợ đầy đủ cho ông Lê S trước khi dự án được thực hiện. Sau khi bồi thường xong, con báo số 9 xâm thực đã làm sạt lở các thửa đất đã được bồi thường cho ông Lê S. Tuy nhiên, sau khi thực hiện Dự án Đường cơ động phía Đông Nam đảo L (giai đoạn 1) chỉnh tuyến mở về phía biển, không đi qua thửa đất đã được bồi thường cho ông Lê S. Hiện nay diện tích đất mà ông L đang canh tác trên bản đồ địa chính năm 2010 được đo bao chung thửa, thuộc thửa đất số 221, tờ bản đồ số 27, xã A có tổng diện tích là 11.934,7m² thuộc loại đất bằng chưa sử dụng, UBND xã quản lý và một số diện tích hiện nay ông Lê Văn L đang lấn chiếm để sử dụng sản xuất nông nghiệp không được Nhà nước cho phép.

Việc sử dụng đất của ông L là vi phạm Luật đất đai, ông Lê Văn L yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thửa đất đã được bồi thường cho ông Lê S là không có cơ sở.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Riêng UBND tỉnh Quảng Ngãi vắng mặt nhiều lần, chưa thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Ông Lê Văn L yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích khoảng 400m² là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người bị kiện là UBND tỉnh Quảng Ngãi có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 và Điều 158 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ngày 09-10-2018 ông Lê Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 871/UBND ngày 28-4-2017 của Chủ tịch UBND huyện L v/v trả lời đơn yêu cầu của ông Lê Văn L; hủy Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 25-5-2018 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Văn L; hủy Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Văn L. Đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung:

Ông Lê Văn L yêu cầu UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích khoảng 400m² sát bờ kè biển thuộc thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trước đây ông Lê S (còn gọi là Lê Văn S, cha của ông Lê Văn L) có khai hoang lấn biển sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, diện tích 198m². Theo bản đồ 299/TTg năm 1986 của xã Bình Vĩnh (nay xã A) thì phần diện tích ông Lê S sử dụng là thuộc thửa đất số 1244, diện tích 2.800m², loại đất hoang (Hg). Thửa đất số 1244 là đất bãi bồi ven biển, thường xuyên bị sạt lở, xói mòn. Nên thường xuyên có biến động về diện tích, sử dụng đất cũng không được liên tục, toàn bộ diện tích thửa đất số 1244 không được Nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định số 64/CP cho ai.

[2.2] Năm 2009, UBND huyện L thu hồi 198m² đất của ông S đang canh tác, để thực hiện dự án Đường cơ động phía Đông Nam đảo L. Ông Lê S đã được Nhà nước bồi thường hỗ trợ 100% về đất và tài sản trên đất. Nhưng khi thi công, chủ đầu tư không sử dụng hết diện tích đất thu hồi cho dự án, trong đó có phần đất thu hồi của ông S. Nên ông S tiếp tục sử dụng diện tích 198m², về sau ông S giao lại cho con là ông Lê Văn L sử dụng. Trong quá trình sử dụng đất của ông S để lại, ông L còn san lấp, lấn chiếm thêm diện tích đất để canh tác. Do đó, ngày 21-7-2017 UBND xã A lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê

Văn L và yêu cầu ông Lê Văn L “Đình chỉ ngay hành vi vi phạm và tháo gỡ trả lại mặt bằng để nhà nước quản lý”. Nhưng ông L vẫn tiếp tục lấn chiếm, mở rộng diện tích sử dụng. Ngày 19-9-2017, UBND xã A lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn L. Ngày 22-9-2017 Chủ tịch UBND xã A ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với ông Lê Văn L.

[2.3] Ông Lê Văn L yêu cầu UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông khoảng 400m² thuộc thửa đất số 1244, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299). Nhưng ông Lê Văn L không có tài liệu, chứng cứ nào để thể hiện quyền quản lý, sử dụng của mình đối với diện tích nói trên. Ông L sử dụng diện tích đất mà UBND huyện đã thu hồi, đền bù cho ông Lê S và ông sử dụng diện tích do lấn chiếm thêm thuộc quyền quản lý của UBND xã A. Do đó, UBND huyện L ban hành Công văn số 871/UBND ngày 28-4-2017 với nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn L là có cơ sở.

Về trình tự, thủ tục, nội dung và thẩm quyền ban hành Công văn số 871/UBND ngày 28-4-2017 của Chủ tịch UBND huyện L; Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 25-5-2018 của Chủ tịch UBND huyện L; Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là đúng pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quyền quản lý, sử dụng của mình đối với diện tích đất yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc hủy các quyết định nêu trên.

[3] Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho ông Lê Văn L là không có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 100; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về yêu cầu hủy Công văn số 871/UBND ngày 28-4-2017 của Chủ tịch UBND huyện L v/v trả lời đơn yêu cầu của ông Lê Văn L; Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 25-5-2018 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Văn L; Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 10-9-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L.

Ông Lê Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004235 ngày 03-12-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Nga

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung

Phạm Bá Lân

Nguyễn Thị Tuyết Nga